**KẾ HOẠCH BÀI DẠY DỰ THI GIÁO VIÊN GIỎI**

**CẤP TRƯỜNG**

**MÔN : TIẾNG VIỆT**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

*\* Năng lực đặc thù*

- Củng cố lại kiến thức về từ đồng nghĩa; biết sử dụng các từ đồng nghĩa trong những tình huống cụ thể.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

*\*Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tvề từ đồng nghĩa ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

*\* Hình thành và phát triển phầm chất:*

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, phiếu học tập, phấn màu,...

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Mở đầu: 5ph** | | |
| - GV cho HS khởi động cho HS chơi trò chơi *Ai giỏi nhất*?  - GV phát phiếu học tập dưới đây và yêu cầu HS làm việc nhóm.  Tìm và nối các cột từ có ý nghĩa tương đồng ở cột A với các từ ở cột B?   |  |  | | --- | --- | | A | B | | Má, u, bầm | Tàu hỏa | | Cha, thầy | Mẹ | | Xe lửa | Bố | | Hùm, cọp | Hổ |   - GV mời các nhóm chia sẻ kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá và gợi ý thêm:  - GV giới thiệu bài học mới và ghi tên bài học mới. | - HS tham gia chơi  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  - HS trả lời  - HS lắng nghe, tiếp thu. | |
| **2. Luyện tập thực hành ( 30 phút)** | | |
| \***Bài tập 1**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu của BT1 G: Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ  + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  - Gv gọi 1 hs đọc lại các cặp từ đồng nghĩa trong các thành ngữ trên.  - Gv mở rộng kiến thức: Giải nghĩa các thành ngữ ( ngắn gọn cho hs)  a/ *Ngày lành tháng tốt* : có hàm ý nói về những ngày tháng được cho là đẹp, thuận lợi để làm công việc nào đó (theo tử vi, quan niệm ngày xưa).  *b. Năm lần bảy lượt :* Lặp đi lặp lại nhiều lần mà vẫn không đạt kết quả như mong đợi  *c. Sóng yên biển lặng*  Mặt biển bình yên, không có sóng lớn, gió to. Hàm ý yên ổn, suôn sẻ, thuận lợi trong công việc, trong đường đời:  *d. Cầu được ước thấy :*cầu mong, ao ước điều gì thì được ngay điều đó.  *e. Đao to búa lớn :*ví lối nói dùng lời lẽ cường điệu hoặc khoa trương quá mức, không phù hợp với nội dung.  *g. Đi đến nơi về đến chốn ;* Làm việc gì đó rất cẩn thận, đầy đủ, chu đáo.  - Gv chuyển ý sang bài tập 2  \***Bài tập 2**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu.  + GV tổ chức cho HS thảo luận, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.  + GV mời 1 – 2 HS chữa bài trước lớp, các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung ( nếu có).  + GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS.  - GV MR kiến thức : gọi 3 hs đặt câu với từ đồng nghĩa vừa tìm được.  - Gv chuyển ý sang bài tập 3  \***Bài tập 3**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS đọc yêu cầu .  + GV cho HS hoạt động theo nhóm *Mảnh ghép* và các nhóm ghi lại kết quả thảo luận vào VBT.  + GV tập hợp lại các đáp án của từng nhóm và yêu cầu HS phát biểu.  + GV nhận xét, chốt đáp án:  *Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã khô cằn bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành. Mặt đất lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây sức sống tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mùa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*  \***Bài tập 4**  - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ BT4  + GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà hoàn thiện.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của HS. | | - HS đọc nhiệm vụ BT.  - HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  - HS trả lời.  *a. Ngày lành tháng tốt*  *b. Năm lần bảy lượt*  *c. Sóng yên biển lặng*  *d. Cầu được ước thấy*  *e. Đao to búa lớn*  *g. Đi đến nơi về đến chốn*  - HS đọc các cặp từ đồng nghĩa  - HS lắng nghe  -HS đọc yêu cầu bài tập 1  -HS làm việc và chia sẻ, nhận xét kết quả các nhóm:  +Đồng nghĩa với *nho nhỏ: nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,…*  +Đồng nghĩa với *trông: nhìn, xem, coi,…*  +Đồng nghĩa với *mênh mông: bao la, bát ngát, mông mênh,…*   * 3HS đặt câu với từ đồng nghĩa tìm đc.   - HS đọc nhiệm vụ hoạt động.  - HS thảo luận nhóm  - HS chia sẻ trước lớp  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - Hs đọc yêu cầu bài tập  - HS làm theo hướng dẫn của GV.  - HS chú ý lắng nghe. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm. 5 phút** | | |
| - GV nêu câu hỏi: Trong câu văn dưới đây, từ nào đồng nghĩa với nhau?  *Cánh đồng làng em rộng bát ngát, trải dài bao la vô tận, gợi một cảm giác xanh ngợp tới chân trời.*  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Từ đồng nghĩa: *Bát ngát – bao la*  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

**IV. Điều chỉnh bổ sung sau tiết dạy: (nếu có)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………